TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2020/HS-ST
Ngày 11-3-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thiên Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Trung

Ông Lương Văn Thoại

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hồng Tuấn - Thư ký TAND huyện L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. **Chu Quốc H** (tên gọi khác: không**)**, sinh năm 1971; HKTT: Tổ 14, phường Gi, quận B, thành phố Hà Nội; Chỗ ở: NO12/3, khu đô thị Đ, phường Vt , quận B, TP Hà Nội; Nghề nghiệp: kinh doanh tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Con ông: Chu Đăng L sinh năm 1945, con bà: Vũ Thị T sinh năm 1954, gia đình có 3 anh em bị cáo là con thứ 1; có vợ tên Tô Thị D sinh năm 1974 và 02 con: con lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2009; Tiền án tiền sự theo danh chỉ bản số 279 lập ngày 20/8/2019 và Lý lịch bị can chính quyền địa Ph cung cấp: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/8/2019 đến nay. "Có mặt".

2. **Bùi Thị P** (tên gọi khác: không**)**, sinh năm 1987; HKTT và nơi ở: Chung cư CT2B Bn, phường Bn, quận B, TP Hà Nội; Nghề nghiệp: kế toán tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Con ông: Bùi Đình Th sinh năm 1960 và con bà Nguyễn Thị B sinh năm 1960, gia đình có 3 chị em, bị cáo là con thứ 1, có chồng tên Nguyễn Quốc H sinh năm 1987 và có 1 con sinh ngày 19/10/2017, tự khai hiện đang mang thai 8 tháng;

Tiền án tiền sự theo danh chỉ bản số 280 lập ngày 20/8/2019 và Lý lịch bị can chính quyền địa Ph cung cấp: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/11/2019 đến nay, "Có mặt"

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH A Việt Nam (Sau đây viết tắt là công ty A). Trụ sở: Đội 4, thôn L, xã Đ, huyện L, TP Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Bà Hồ Thị Thu Th, chức vụ: Giám đốc Công ty. "Vắng mặt".

2. Công ty TNHH và dịch vụ T (Sau đây viết tắt là công ty T). Trụ sở: Tòa nhà N, C, phường Th, quận B, TP Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Việt B, chức vụ: Tổng giám đốc. "Vắng mặt".

3. Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Chung cư CT2B, phường B, quận B, TP Hà Nội. "Vắng mặt".

4. Chị Vũ Thị Vân A, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Nhà 17T5, Th, phường Ch, quận X, TP Hà Nội. "Vắng mặt".

5. Chị Lê Thu H, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Nhà 14, tập thể Viện lịch sử Đ, tổ 16, Nghĩa T, quận C, Hà Nội. "Vắng mặt".

6. Chị Cao Thị Huyền Th, sinh năm 1991. Nơi cư trú: xã Qu, huyện V, tỉnh Hưng Yên. "Vắng mặt".

7. Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Ti, V, Bắc Giang. "Vắng mặt".

8. Chị Nguyễn Thị Quỳnh O, sinh năm 1986. Nơi cư trú: phường P, quận B, TP Hà Nội. "Vắng mặt".

9. Anh Thân Văn C, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Vi, Bắc Giang. "Vắng mặt".

10.Công ty TNHH thời trang Ti. Trụ sở: đường Tr, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thái B, chức vụ: Tổng giám đốc (BL150). "Vắng mặt".

11.Công ty TNHH Dịch vụ và thương mại thời trang Bì. Trụ sở: đường Tr, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Việt B, chức vụ: Tổng giám đốc (BL155). "Vắng mặt".

12. Công ty TNHH thương mại Đ Th. Trụ sở: 57, phường H, quận Ch, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đức Th, chức vụ: Tổng giám đốc (BL161). "Vắng mặt".

13. Công ty TNHH dịch vụ và thương mại Án. Trụ sở: tầng 10, tòa nhà N, số 545 đường N, phường G, quận B, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Đức T, chức vụ: Tổng giám đốc (BL 168). "Vắng mặt".

14. Công ty TNHH KTC Elec Việt Nam. Trụ sở: khu công nghiệp Q, xã Li, huyện V, tỉnh Bắc Ninh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Park Chan Hw, chức danh: Chủ tịch công ty, nơi đăng ký NKTT và nơi ở: Dorok Samsung Raemian APT, Dorok 2- dong, Kangnam-gu, Seoul, Hàn Quốc. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị S, sinh năm 1993, nơi cư trú: xóm Đ, xã Ứ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. "Vắng mặt".

15.Công ty cổ phần VC (BL342). Trụ sở: phố Nguyễn Tư, phường Thanh Tr, quận Th, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế T, chức vụ: Tổng giám đốc, chỗ ở: Số 18, đường Ng, phường Thanh X, quận Th, Hà Nội. "Vắng mặt".

16. Công ty cổ phần tập đoàn Phúc S. Trụ sở: Thôn Phúc L, xã Tam P, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Tổng giám đốc. "Vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chu Quốc H và Bùi Thị P không quen biết nhau. Chu Quốc H là chủ cửa hàng kinh doanh bán lẻ đèn Led tại số 21 Tự, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội. Do chỉ bán lẻ nên H không thành lập Công ty. Từ tháng 7/2018 H có ký hợp đồng bán các thiết bị đèn Led cho Công ty TNHH và dịch vụ thương mại An, địa chỉ trụ sở tầng 10, tòa nhà NEM C, phường Th, quận B, thành phố Hà Nội thông qua ông Nguyễn Xuân Q sinh năm 1964 là phó Tổng giám đốc công ty. Ông Q yêu cầu H bán hàng hóa pH có Hóa đơn giá trị gia tăng chứng minh nguồn gốc xuất xứ thì mới mua, do số đèn Led H mua trôi nổi trên thị trường nên không có nguồn gốc, để bán được hàng, H đã lên mạng Internet tìm kiếm và thấy Bùi Thị P nói có Hóa đơn giá trị gia tăng có kèm số điện thoại, H đã gọi theo số điện thoại đó cho P và giao dịch mua bán hóa đơn gia tăng không kèm hàng hóa. P giới thiệu Hóa đơn giá trị gia tăng của nhiều công ty nhưng H chọn hóa đơn của Công ty TNHH An Việt Nam có địa chỉ trụ sở tại L, ĐT, L, Hà Nội. H và Ph thỏa thuận H mua Hóa đơn giá trị gia tăng không kèm hàng hóa của Ph với giá bằng 7% giá trị số tiền trước thuế (VAT) ghi trên hóa đơn và Ph pH làm thêm kèm hợp đồng kinh tế, phụ lục, bảng kê, biên bản bàn giao đã ghi nội dung phù hợp với số liệu hàng hóa H bán cho công ty An theo số liệu H cung cấp cho Ph. Từ tháng 7/2018 đến tháng 12/2018 H đã mua của Ph 27 tờ hóa đơn giá trị gia tăng có tổng số tiền trước thuế là 121.221.800 đồng để hợp thức hóa toàn bộ số hàng hóa H đã bán cho công ty An, H đưa cho Ph danh mục hàng hóa bán, giá từng sản phẩm đã bán cho công ty An, Ph lấy thông tin và chuyển cho Lê Thu H, Lê Thu H đưa Ph Hóa đơn giá trị gia tăng đã có đầy đủ nội dung, còn Ph lập Hợp đồng mua bán, phụ lục, bảng kê, biên bản bàn giao rồi chuyển toàn bộ lại cho H. Sau khi nhận Hóa đơn giá trị gia tăng bán hàng và các chứng từ kèm theo, H chuyển lại công ty An và công ty An chuyển khoản toàn bộ tiền mua hàng vào tài khoản của công ty An do Ph cung cấp số tài khoản là 156886505 tại Ngân hàng VPBank – chi nhánh Hà Thành, Ph hay ai rút tiền ra như thế nào H không biết, chỉ biết Ph rồi Ph gửi lại tiền mặt hoặc chuyển khoản lại cho H 93% số tiền công ty ATh chuyển khoản cho công ty An (Sau khi trừ đi 7% tiền mua hóa đơn của H), khi chuyển khoản Ph chuyển khoản cho H qua số tài khoản 001631469979 mang tên Nguyễn Thị Trà H tại Ngân hàng Liên Việt ở Đức G, B, Hà Nội. Ngoài ra Ph còn mua của Lê Thu H 01 tờ Hóa đơn giá trị gia tăng có ghi nội dung dịch vụ ăn uống số 0000481 ngày 20/02/2019, số tiền hàng là 2.900.000

đồng, thuế VAT l0% là 290.000 đồng, đơn vị bán hàng: Công ty An, đơn vị mua hàng là Công ty TNHH Medtronics Việt Nam cho chồng là Nguyễn Quốc Hiển, sinh năm 1987, nơi cư trú: Căn hộ 711 Chung cư CT2B Thạch Bàn, phường Thạch Bàn, quận Long Biên, Hà Nội để Hiển hợp thức hóa chứng từ tiếp khách cho công ty của Hiển, nhưng sau đó Hiển không sử dụng đã trả lại Ph tờ Hóa đơn giá trị gia tăng này, Ph đã giao nộp liên 2 cho Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện L ngày 17/4/2019.

Ngày 17/4/2019, bà Hồ Thị Thu Thủy – giám đốc Công ty An có đơn trình báo Bùi Thị P và Chu Quốc H có hành vi mua bán hóa đơn giá trị gia tăng giả của Công ty An

Tại cơ quan điều tra, Ph và H đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình. Ph đã nộp 25.000.000 đồng tiền thu lời bất chính trên số tiền được hưởng là 36.366.540 đồng. H đã nộp lại 36.307.140 đồng trên số tiền hưởng lợi 3% VAT là 36.366.540 đồng.

Ngày 09/10/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã phong tỏa tài khoản số 156886505 tại Ngân hàng VPBank – chi nhánh Hà Thành mang tên Công ty An hiện có 1.394.069 đồng.

Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố bị can Bùi Thị P, Chu Quốc H về tội "Mua bán trái phép hóa đơn" theo khoản 1 Điều 203 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

+ Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi đúng như cáo trạng truy tố. Bị cáo H trình bày do chỉ bán lẻ đèn Led nên không lập công ty, không có hóa đơn giá trị gia ăng, nhưng khi công ty ATh yêu cầu mua hàng pH có hóa đơn giá trị gia tăng, chỉ vì muốn bán được đèn Led nên H đã có hành vi vi phạm, đến nay bị cáo H rất ân hận về hành vi của mình, cam đoan từ nay không vi phạm. Bị cáo Ph trình bày do đang nuôi con nhỏ, lại đang mang thai, không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, biết sai những vẫn mua bán hóa đơn mục đích lấy tiền nuôi con nhỏ, nay rất ân hận về hành vi của mình.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L đưa ra tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và đề nghị giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 203, điểm i, s, n (đối với Ph) khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65 của BLHS

Xử phạt Ph từ 20-24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 40-48 tháng tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt H từ 20-24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 40-48 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo về chính quyền địa Ph nơi các bị cáo cư trú để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Về dân sự: Không

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu sung công toàn bộ số tiền hai bị cáo và chị

Hồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L là 61.907.140 đồng trong đó có 600.000 đồng là tiền thu của chị Hồng và 61.307.140 đồng là tiền các bị cáo được hưởng lợi từ hành vi vi phạm pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo trình tự thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng hình sự. Ngoài ra quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì khác về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và hình phạt chính đối với 2 bị cáo:

- Xét việc Ph mua 27 tờ Hóa đơn giá trị gia tăng đã ghi đầy đủ nội dung, có dấu và chữ ký giám đốc công ty An với giá bằng 4% VAT ghi trên Hóa đơn giá trị gia tăng của Lê Thu H như Ph đã khai, bị cáo H thừa nhận đã đặt mua Hóa đơn giá trị gia tăng để hợp thức hóa hàng hóa bán cho công ty ATh của Ph và được Ph đưa 27 tờ Hóa đơn giá trị gia tăng, hợp đồng kinh tế, phụ lục hợp đồng, bảng kê, biên bản giao nhận, ngoài ra Ph còn mua 01 Hóa đơn giá trị gia tăng cho chồng là Nguyễn Quốc H; Lê Thu H không thừa nhận toàn bộ sự việc, không còn tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh Hà thực hiện; 28 tờ hóa đơn đã được Viện kỹ thuật hình sự - Bộ công an giám định kết luận chữ ký, con dấu, chữ viết trên 28 tờ Hóa đơn giá trị gia tăng mang tên công ty An đều là chữ ký con dấu giả. Lời khai của bị cáo Ph, bị cáo H phù hợp với kết luận giám định, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đủ cơ sở kết luận bị cáo Ph và bị cáo H đã mua bán trái phép Hóa đơn giá trị gia tăng không kèm theo hàng hóa mang tên công ty An, H không biết tại sao Ph có hóa đơn của công ty An, không biết đó là hóa đơn thật hay giả, Ph cũng không biết đó là hóa đơn thật hay giả, Hà không thừa nhận toàn bộ hành vi, quá trình điều tra làm rõ Vũ Thị Vân A có dấu hiệu làm giả hồ sơ con dấu của tổ chức, CQCSĐT Công an huyện L đã khởi tố, truy nã, nay chưa bắt được nên đã tách ra giải quyết sau. Đủ cơ sở kết luận Ph và H có hành vi mua bán trái phép 27 tờ Hóa đơn giá trị gia tăng (Có các số 160 ngày 06/7/2018, số 193 ngày 23/7/2018, số 178 ngày 16/7/2018, số 333 ngày 01/12/2018, số 334 ngày 06/12/2018, số 340 ngày 05/12/2018, số 341 ngày 06/12/2018, số 344 ngày 08/12/2018, số 343 ngày 08/12/2018, số 347 ngày 12/12/2018, số 348 ngày 13/12/2018, số 350 ngày 15/12/2018, số 352 ngày 18/12/2018, số 359 ngày 20/12/2018, số 361 ngày 22/12/2018, số 374 ngày 30/12/2018, số 369 ngày 27/12/2018, số 366 ngày 25/12/2018, số 163 ngày 9/7/2018, số 186 ngày 19/7/2018, số 171 ngày 13/7/2018, số 180 ngày 17/7/2018, số 188 ngày 20/7/2018, số 164 ngày 09/7/2018, số 168 ngày 12/7/2018, số 170 ngày 13/7/2018, số 183 ngày 18/7/2018) được làm giả của Công ty An và Ph đã mua 01 tờ hóa đơn giá trị gia tăng số 481 ngày 20/02/2019

mang tên công ty An cho chồng, tổng số tiền Ph và H hưởng lợi mỗi bị cáo là 3% trên giá trị số tiền trước thuế là 121.221.800 đồng của 27 tờ Hóa đơn giá trị gia tăng, tương đương mỗi bị cáo hưởng lợi 36.366.540 đồng. 28 tờ Hóa đơn giá trị gia tăng mang tên công ty An sau khi giám định đã kết luận đều là hóa đơn giả của công ty An, không pH chữ ký của giám đốc công ty An, không pH dấu của công ty An, chữ viết trên hóa đơn là chữ viết của Vũ Thị Vân A, Vũ Thị Vân A không làm và không liên quan đến công ty An. Đến nay chưa bắt được Vũ Thị Vân A nên chưa làm rõ được hành vi làm giả tài liệu con dấu của tổ chức nên chưa xử lý là có căn cứ. Hành vi của Ph và H đã đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép hóa đơn được quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật hình sự quy định: "1.Người nào …mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ….. đã ghi nội dung từ 10 số đến dưới 30 số hoặc thu lời bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng….", hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến khách thể là trật tự quản lý kinh tế, các bị cáo đã cố ý vi phạm các quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế với mục đích tư lợi cá nhân, cần pH xử lý nghiêm các bị cáo một mức án trong khung hình phạt. Tuy nhiên, hai bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo Ph được hưởng lợi 3%VAT tương đương với 36.366.540 đồng, tuy nhiên do bị cáo mới chỉ nhận được 25.000.000 đồng và bị cáo đã nộp lại toàn bộ 25.000.000 đồng mà mình được hưởng lợi, xác định đã khắc phục số tiền hưởng lợi, bị cáo H được hưởng lợi 3%VAT tương đương với 36.366.540 đồng, bị cáo H đã tự nguyện nộp lại 36.307.140 đồng trên số tiền mình được hưởng lợi, đã quá ¾ (=27.274.905 đồng) số tiền bị cáo được hưởng, nên đủ cơ sở xác định các bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả, nên cho 2 bị cáo Ph và H được hưởng tình tiết quy định tại các điểm b, s, i khoản 1 Điều 51 của BLHS, bị cáo Ph hiện đang nuôi con dưới 36 tháng, hiện đang mang thai 8 tháng, cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm n khoản 1 khoản 2 Điều 51 của BLHS để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo Ph và bị cáo H. Các bị cáo đều có từ 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của BLHS, có nơi cư trú rõ ràng, nên áp dụng Điều 65 của BLHS và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Tòa án nhân dân tối cao cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội là có căn cứ và cũng đủ giáo dục, phòng ngừa chung.

+ Đối với Công ty Th mua hàng và yêu cầu có hóa đơn là đúng quy định của pháp luật; Ông Q nhận thức H là người của công ty An bán hàng và có hóa đơn nên đã mua hàng và nhận hóa đơn giá trị gia tăng theo đúng quy định của pháp luật, nên không xem xét trách nhiệm của công ty Th và ông Q là có căn cứ.

+ Đối với Lê Thu H: do bị cáo Ph khai toàn bộ hóa đơn mua của Hà, nhưng không có tài liệu chứng minh, không chứng minh được H đồng phạm nên không xem xét xử lý là có căn cứ.

+ Đối với các công ty TNHH KTC Elec Việt Nam, công ty cổ phần công nghệ DHL Việt Nam, Công ty TNHH xây lắp và thương mại TQ, công ty Cổ phần VCCorp có liên quan đến việc chuyển tiền vào tài khoản số 156886505 Ngân hàng VPBank – Chi nhánh Hà Thành mang tên công ty An, hiện chưa bắt được LêVũ

Thị Vân A liên quan đến việc đăng ký mở tài khoản, liên quan đến việc viết nội dung trên 28 tờ Hóa đơn giá trị gia tăng giả của công ty An nên khi bắt được Vũ Thị Vân A sẽ tiếp tục điều tra để xem xét xử lý là có căn cứ.

+ Đối với các chị Lê Thu H, Cao Thị Huyền Thương, Nguyễn Thị Thu Hồng, Nguyễn Thị Quỳnh O, anh Thân Văn C liên quan đến việc rút séc toàn bộ số tiền do công ty ATh chuyển khoản đến tài khoản số 156886505 của Ngân hàng VPBank – Chi nhánh Hà Thành mang tên Công ty An trình bày đều được thuê và nhờ rút tiền, không biết nội dung gì khác, hiện chưa bắt được Vũ Thị Vân A, khi nào bắt được Vân A sẽ tiếp tục điều tra, nếu phát hiện vi phạm sẽ xem xét xử lý đối với Lê Thu H, Cao Thị Huyền Thương, Nguyễn Thị Thu Hồng, Nguyễn Thị Quỳnh O, anh Thân Văn C là có căn cứ.

+ Đối với người phụ nữ tên L sử dụng số điện thoại 035.957.5255 mang tên bà Phùng Thị N là mẹ đẻ của Vũ Thị Vân A để bán 02 tờ hóa đơn giá trị gia tăng mang tên công ty An cho Công ty TNHH xây lắp và thương mại TQ, bà N khai không sử dụng số điện thoại này. Đối với người phụ nữ tên Th bán hàng kèm 01 hóa đơn giá trị gia tăng mang tên công ty An cho công ty Cổ phần công nghệ DHL Việt Nam và công ty này đã chuyển khoản vào tài khoản số 156886505 mang tên công ty An. Do chưa bắt được Vũ Thị Vân A liên quan đến số điện thoại 035.957.5255 và tài khoản số 156886505, khi nào bắt được, làm rõ sẽ xem xét xử lý.

[3].Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo đều không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, bị cáo Ph đang mang thai và nuôi con dưới 36 tháng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với hai bị cáo là có căn cứ.

[4] Về dân sự: Không ai yêu cầu, HĐXX không xem xét giải quyết

[5]. Về các biện pháp tư pháp.

+ Do bị cáo Ph khai chỉ nhận được 25.000.000 đồng trên số tiền được hưởng 36.366.540 đồng, không có tài liệu khác chứng minh Ph nhận đủ 36.366.540 đồng, áp dụng tình tiết có lợi cho bị cáo, xác định bị cáo Ph đã được hưởng lợi 25.000.000 đồng và Ph đã nộp đủ 25.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính cho tịch thu sung công; Đối với bị cáo H được hưởng lợi 36.366.540 đồng, H đã tự nguyện nộp 36.307.140 đồng, nay buộc H pH truy nộp sung công 59.400 đồng (Năm mươi chín nghìn bốn trăm đồng) là có căn cứ, phù hợp với Điều 47 của BLHS và Điều 106 của BLTTHS.

+ Đối với số tiền 1.394.069 đồng trong tài khoản số 156886505 tại Ngân hàng VPBank – Chi nhánh Hà Thành mang tên công ty An, hiện đang bị CQCSĐT CA huyện L phong tỏa, khi nào bắt được Vũ Thị Vân A sẽ xem xét giải quyết sau.

[6]. Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên pH chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Bùi Thị P, Chu Quốc H phạm tội "Mua bán trái phép hóa đơn" .

Căn cứ vào khoản 1 Điều 203, điểm b, i, s, n (đối với Ph) khoản 1 khoản 2

(đối với Ph) Điều 51, các Điều 17, 58, 65, 47 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ các Điều 106, 136, 331, 332, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: bị cáo Bùi Thị P 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Bùi Thị P về UBND phường B, quận B, thành phố Hà Nội để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt: bị cáo Chu Quốc H 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Chu Quốc H về UBND phường V, quận B, thành phố Hà Nội để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó pH chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

Về dân sự: Không

Về biện pháp tư pháp: Tịch thu sung công số tiền 61.907.140 đồng (Sáu mươi mốt triệu, chín trăm linh bảy nghìn, một trăm bốn mươi đồng) là số tiền thu lời bất chính của các bị cáo Bùi Thị P, Chu Quốc H và chị Nguyễn Thị Thu Hồng (Thể hiện tại Biên lai thu tiền số AA/2010/0001762 ngày 04/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, thành phố Hà Nội). Buộc Chu Quốc H pH truy nộp sung công 59.400 đồng (Năm mươi chín nghìn bốn trăm đồng) tiền thu lời bất chính.

Về án phí: Các bị cáo Ph và H, mỗi bị cáo pH chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo Bùi Thị P, Chu Quốc H có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Báo cho Công ty TNHH An Việt Nam, Công ty TNHH và dịch vụ ATh, anh Nguyễn Quốc Hiển, chị Vũ Thị Vân A, chị Lê Thu H, chị Cao Thị Huyền Thương, chị Nguyễn Thị Thu H, chị Nguyễn Quỳnh A, anh Thân Văn C, Công ty TNHH thời trang ATh, Công ty TNHH dịch vụ và thương mại thời trang Bì, Công ty TNHH thương mại Đà , Công ty TNHH dịch vụ và thương mại Ánh , Công ty TNHH KTC Elec Việt Nam, Công ty cổ phần VCCorp, Công ty cổ phần tập đoàn Phúc S vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Toà án nhân dân TP Hà Nội;
- Công an huyện L;
- VKSND huyện L;
- THADS huyện L;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thiên Hương